

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
(*V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Việt Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị H G** - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nguồn quán: Thôn T, xã Đ, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh Nguyễn Văn B là nguyên đơn trình bày: Anh và chị G qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 1994. Xong do bận công việc và không có hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trầm trọng. Đến năm 2010 thì hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm hỏi han đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa giải quyết không công nhận anh và chị G là vợ chồng. Về con chung, anh và chị G có 4 con chung là Nguyễn Thị PH H - sinh ngày 09/01/1996, Nguyễn Thị Kim O - sinh ngày 16/9/1999, Nguyễn Thị Thanh H1 - sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 25/10/2004. Cháu H và cháu O đã trưởng thành, có gia đình riêng. Cháu H1 đang là sinh viên nên hai anh chị thống nhất là anh nuôi cháu H2 còn chị G sẽ có trách nhiệm với cháu H1 khi cháu cần hỗ trợ. Không ai phải cấp dưỡng tiền

nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, công sức: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị H G là bị đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 1994. Vì bận công việc và không có hiểu biết pháp luật nên hai anh chị chỉ chung sống với nhau mà không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hỏi, hai anh chị sinh sống và làm việc tại địa pH được một thời gian thì anh B vào miền Nam, chị ra quận Hà Đông làm thuê. Cuộc sống chung của vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Đến năm 2010 thì hai vợ chồng sống ly thân không còn liên quan đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng. Về con chung, chị và anh B có 4 con chung là Nguyễn Thị PH H - sinh ngày 09/01/1996, Nguyễn Thị Kim O - sinh ngày 16/9/1999, Nguyễn Thị Thanh H1 - sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 25/10/2004. Cháu H và cháu O đã trưởng thành, có gia đình riêng. Do cháu H1 đang là sinh viên nên chị sẽ có trách nhiệm giúp đỡ cháu. Còn cháu H2 đang ở với anh B nên chị đồng ý để anh B nuôi cháu H2. Về tài sản, công nợ chung, công sức: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G đều có đơn xin vắng mặt phiên tòa và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đã tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G là vợ chồng. Về con chung, giao cho anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 25/10/2004; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị G cho đến khi có thay đổi khác. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G đến tham gia phiên tòa xong

anh B và chị G đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 1994. Xong từ đó cho đến nay hai anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và từ năm 2010 thì sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay anh B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa giải quyết không công nhận anh và chị G là vợ chồng. Chị G cũng đồng quan điểm với anh B là đề nghị Tòa giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Qua tra cứu sổ sách lưu tại UBND xã thì không thể hiện anh B và chị PH có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Nay anh B và chị PH có đơn đề nghị Tòa không công nhận vợ chồng, địa phương đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, anh B và chị PH đều thừa nhận chỉ có cưới hỏi theo phong tục nhưng không thực hiện kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì pháp luật không công nhận anh B và chị G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G đều xác nhận có 04 con chung là Nguyễn Thị PH H - sinh ngày 09/01/1996, Nguyễn Thị Kim O - sinh ngày 16/9/1999, Nguyễn Thị Thanh H1 - sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 25/10/2004. Cháu H, cháu O và cháu H1 đã trưởng thành. Anh B và chị PH đều thỏa thuận thống nhất, giao cháu H2 cho anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị G cho đến khi có thay đổi khác. Việc thỏa thuận về con chung của anh B và chị G không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận về con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G.

2. Về con chung: anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H G đều xác nhận có 04 con chung là Nguyễn Thị PH H - sinh ngày 09/01/1996, Nguyễn Thị Kim O - sinh ngày 16/9/1999, Nguyễn Thị Thanh H1 - sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 25/10/2004. Cháu H, cháu O và cháu H1 đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Sau ly hôn giao anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H2; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị G cho đến khi có thay đổi khác. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009604 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã (phường) nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện